

Qua ải Quảng Bình

*Nương mây, trùng điệp bức trường thành.
Rặng liễu tầng tầng ngậm vịnh xanh.
Nhật Lệ, đá ngậm dòng xiết mạnh,
Đâu Mâu, đầm nước núi bao quanh.
Rừng cây, cát trắng cồn đua nổi,
Mây khói, mù xanh biển lạnh tanh.
Bao khách bôn ba đường lợi lộc,
Chưa qua cửa Quảng ải chưa thành.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Quá quận công Nguyễn Hữu Độ^(*)

Sinh từ hữu cảm

*Lâu dài thử địa hà nguy nguy,
Đệ nhất quận công chi sinh từ.
Công tại tứ thị tập quan đới,
Đắc dự giả hỉ bất dự bi.
Công khứ quan đới bất phục tập,
Hương hoả tịch tịch hoà ly ly.
Đân kiến đệ nhị vô danh công,
Triêu tịch huê trượng lai vu tư.
Trần gian hưng phế đẳng nhân sự,
Bất tri cửu tuyên thủy dữ quy.*

Nguyễn Hữu Độ làm quan đời Tự Đức, tay sai đặc lực của thực dân Pháp.

Cảm nghĩ lúc qua Sinh từ quận công Nguyễn Hữu Độ

*Đền miếu thờ ai lỏng lẩy thay!
Thờ ông "thứ nhất quận công" đây.
Ông còn, mũ áo hàng năm họp,
Không được dự buồn, được dự may.
Ông mất, mũ áo không họp nữa,
Lúa hương lạnh ngắt, lúa mọc đây.
Cò ông "thứ nhì không tên"¹ đến
Som hôm chông gậy vào chôn này.
Trên đời suy thịnh thường như vậy,
Biết nay chín suối ông theo ai?*

NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Quan hoạch

*Thử khí viêm chung hạ nhật trường,
Nho gia điền sự thái phân mang.
Mỗi sâu hữu túc đa sinh nhiệt,
Hựu khùng vô hoà thả phạt lương.
Tân phạm kiêm thu liên bản cốc,
Dữu khuân chỉ tại cập kiên tường.
Thế gian vạn sự năng như nguyện,
Phong dục doanh môn túc mãn đường.*

¹ Từ ngữ cơ câu: "Thứ nhì không tên", "không tên" là những người đi xin ăn. Trong bài, tác giả đã đổi thành "không tên".

Xem gặt

Ngày hạ chang chang nắng kéo dài,
Nhà nho mùa đến việc bời bời.
Đã e có thóc, nhà thêm nóng,
Lại sợ không lương, bụng đói hoài.
Tiếc củi, rom thường vợ tận gốc,
Dọn kho, tường thấp chỉ ngang vai.
Việc đòi nêu cứ mong mà được,
Thì thóc đầy nhà, gió khắp nơi.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Sơ chí Đà tấn phụng tống đương sự chi quân

Hồi thử cô lãng lệ ám san,
Hạc thư tạo dạ đảo Tùng quan⁽¹⁾.
Đương niên khởi phạp trung hưng tá?
Thánh thế năng dung tích bệnh nhân.
Vị tử gian nan sấu bạch phát,
Thử sinh lân tán ái thanh san.
Cố viên nhãn phụ hoàng hoa⁽²⁾ ước,
Nguyện phóng Uyên Minh⁽³⁾ tam kính hoàn

¹ Tùng quan: đây chỉ Đà Nẵng. Căn cứ vào nội dung, bài này có thể được làm khi Nguyễn Khuyến vào kinh lần cuối (1884) để vận động về hưu.

² Hoàng hoa: chỉ hoa cúc. Đào Tiềm xưa cáo quan về quê thích trồng hoa cúc. Do vậy, người ta thường dùng "ước hoa vàng" để tỏ ý muốn cáo quan trở về.

³ Uyên Minh: tức Đào Tiềm.

Mới đến cửa biển Đà Nẵng, đưa các vị đương sự

Ngoảnh lại hoàng cung, lệ thấm khăn,
Đêm qua chiếu chỉ tới sông Hàn.
Trung hưng sẵn có người tài giúp,
Thánh chúa dung cho kẻ bệnh nhân.
Tóc bạc bỏ phờ chưa mãn kiếp,
Non xanh thích thú đã quen thân.
Hoa vàng ước cũ sao đành phụ?
Xin thỏa nguyện xưa trở lại vườn.

NGUYỄN XUÂN TẢO dịch

Sơn hạ

Tạc dạ tri biên sinh nộn hà,
Thần song bất giác hạ sơ qua.
Bán không phong dẫn diên ngâm dịch.
Kỷ xứ chi tàng ương lộng ca.
Áp phụ tương tranh ngôn ngữ tục,
Lân quan bất mị tính tình đa.
Du nhiên phù trượng dục thừa hứng,
Mãn nhơn trần ai nại nhi hà?

Đầu mùa hè

*Sen nòn bên ao đêm trước hè,
Song mai thoát đã chớm hè sang.
Lung trời gió vút diều ngân vắng,
Khắp chốn cảnh cao chim riu ran.
Ầm xóm, gái già vắng cãi tục,
Rộn lòng trai góa ngủ không an.
Cùng toan chông gậy lần theo hừng,
Trước mắt buồn sao, bụi ngập tràn!*

NGÔ LINH NGỌC dịch

Son trà

*Xuân lai khách tặng ngā son trà⁽¹⁾,
Tuý lý mông lung bất biện hoa.
Bạch phát thương nhan, ngô lão hĩ,
Hồng bào kim đới, tử chân da?
Tầm thường tế vũ kinh xuyên điệp⁽²⁾,
Tiêu sất thần phong oán lạc giã⁽³⁾.
Cận nhật tương khan duy dĩ ty,
Liểu vô hương khí nhất kha kha!”*

⁽¹⁾ Loại hoa có sắc mà không có mùi hương.

⁽²⁾ Tiếng Việt có thành ngữ “xó lá” để chỉ những hành động thâm hiểm, đêu cáng. Tác giả đưa thành ngữ Việt này vào thơ Hán thành “xuyên điệp” với hàm ý đã kích kẻ đã chơi trò “xó lá” tặng cây trà.

⁽³⁾ Đây tác giả cũng có ngụ ý chơi chữ, thể hiện rõ trong bài tự dịch nôm thành “roi già” (đồng âm với doi già, con doi già).

⁽⁴⁾ Tác giả tự dịch. Xem THO CHỦ NÔM: *Tạ người cho hoa trà* trang 39.

Tại Kinh phùng huý nhật hữu cảm

*Thung đường dịch trách kỷ niên cảm,
Tuế nguyệt sa đà huy nhật lâm.
Hương thủy nam lai xuân vũ trệ,
Hoành sơn bắc hướng bạch vân thâm.
Mỗi tư tiểu ngữ thanh dung xứ,
Hà hận thê lương duật dịch tâm.
Khách xá câu mang vô dĩ tế,
Cố viên hồi thủ lệ triêm khâm.*

Ở Kinh gặp ngày giỗ, cảm xúc

*Nỗi cha tạ thế đã bao năm,
Ngày giỗ năm nay lại tới tuần.
Hương thủy bờ nam xuân nước lụng,
Hoành Sơn phương Bắc trắng mây vân.
Mỗi khi hình bóng khơi thương nhớ,
Lại nỗi đau buồn mãi khó ngăn.
Quán khách lấy gì cho trọn lễ
Chạnh về nhà cũ, lệ đầm khăn.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Thạch Hân giang^(*)

*Thạch Hân giang lưu nhất trạo hoành,
Tịch hà yếm ái viễn sơn minh.
Tây phong hà xứ xuy trần khởi,
Bất dĩ niên tiền triệt để thanh.*

Sông Thạch Hân

*Khua ngang dòng Hân một con chèo,
Lấp loáng non xa nhuộm nắng chiều.
Trách trận gió tây tung cát bụi,
Chẳng còn như trước nước trong veo.*

HOÀNG TẠO dịch

Thị tử Hoan

*Vị hữu quan thi dục tổ quan,
Hữu quan thuỷ giác tổ quan nan.
Hoạn đào chỉ dĩ khinh tâm trạo,
Lợi cục hà năng lãnh nhân khan.
Lãng chú kim ngân nang dĩ khánh,
Bất tri hà đồ tịch tương tàn.
Ngô nhi tự tín thông minh tại,
Tằng phủ ngô ngôn yết toạ đoan.*

^(*) Sông Thạch Hân thuộc Quảng Trị.

Dặn con là Hoan

*Chùa được làm quan những ước quan,
Được làm mới thấy khó vô vàn.
Thuyền chèo bể hoạn lòng nên nhẹ,
Lợi bén hơi đồng mắt chớ tham!
Độc hết bạc vàng nay túi rỗng,
Hồng chi đen đỏ lúc canh tàn!
Con dù vẫn cậy thông minh đấy,
Hãy chép lời cha dặn trước bàn!*

HOÀNG TẠO dịch

Thái viên

*Nhất niên kim hựu nhất niên quá,
Bản bệnh an tri hữu tuế hoa.
Tá tửu nhi thường cung phụng đậu,
Vọng xuân khách hữu tặng long trà.
Thiên sơn minh ám nghi vô trạng,
Độc hạc tung hoành vị hữu gia.
Chỉ hữu tiểu viên thông giới tú,
Bất lao quán khái tự bà sa.*

Vườn rau

Một năm rồi lại một năm qua,
Nghèo òm đường quên cả tuế hoa.
Tiếp nhấm, con thường dâng đậu phụng,
Mừng xuân, khách lại tặng Long trà¹.
Ngân non mờ tỏ không còn ve,
Chiếc hạc bơ vơ chưa thấy nhà.

Chỉ có mảnh vườn hành cải tốt,
Chẳng cần vun tưới vẫn ruộm rà.

LÊ TỰ THỰC - ĐỖ NGỌC THOẠI dịch

Thế thái

Bàng quang thế thái dục như ngu,
Kham tiếu cao đê lãnh noãn thù.
Dã lão tích tầng tranh tọa tịch,
Hải ông kim diệp nộ hư chu.
Mạc tùy khách lộ tranh thiên thuế,
Tu toán hương nhân chỉ hạc đầu.
Chung nhật bế môn duy kế quá,
Tâm trung vô cứu sử hư hư.

¹ Long tinh: thứ chè ngon của Trung Quốc.

Thói đời

Thói đời muốn kẻ quách cho xong,
Sớm nắng chiều mưa chỉ chốc mong.
Làng xã đã từng giành chiếu nhất¹,
Lão chài nay lại bực thuyền không².

Tranh chi đường bụi con ve xác³,
Thú ấy dân quê cái hạc bông⁴.
Đóng cửa trốn ngày tìm lối cũ,
Chút không ân hận thánh thoi lòng..

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

¹ Chiếu nhất*: chỉ ngôi thứ trong làng xã. Đây ý nói, vì đồ cao, tác giả đã giữ chân tiên chỉ trong xã.

² Thuyền không: sách Trang Tử: “đang chờ đò không qua sông, bỗng có cái thuyền không chạm vào đò mình thì dù người hẹp bụng đến đâu cũng không giận”. Đây có ý nói, đã là ông lão câu cá, không thiết gì sự đời mà vẫn còn phải tức giận những điều không liên can gì đến mình.

³ Ve xác (tức xác ve): cái vỏ ngoài con ve lột ra. Sách *Sử ký*, truyện *Khuất Nguyên* chép: “Xác ve ở nơi đục bản, vẫn trôi nổi ở ngoài vòng bụi bậm” để chỉ Khuất Nguyên tuy làm quan trong đời dục nhưng không để lời cuốn vào dòng đời bản thi.

Ở đây ý nói: không chịu theo thói đời bản thi

⁴ *Đầu hạc*: từ chữ “hạc phát” (tóc con hạc) tức đầu bạc, chỉ cảnh già nua, an phận.

Thoại tăng

*Thiếu thì ngã dữ tử gia biên,
Ngã vị vi quan tử vị thiên.
Tự tử vân du ngã quan khứ,
Thủ gian tiêu tức lương mang nhiên.
Bất tri xa lập kim hà tịch,
Dĩ thị phong trần nhị thập niên.
Ngã dĩ từ quan hựu cấu tử,
Khán lai câu vị tịnh trần duyên.*

Nói chuyện với sư

*Nhớ xưa tôi bác gần nhà,
Tôi còn đi học, bác chưa đi chùa.
Từ ngày gần phật, gần vua,
Hai bên tin tức mật mờ cả hai.
Nón xe nào biết có rày?
Phong trần thoát đã hai mươi năm trường.
Nay về gặp mặt tỏ tường,
Hai ta duyên nợ còn vương với đời!*

NGUYỄN VĂN TÚ C

Thu dạ cùng thanh

*Nhất thiên tinh đấu dạ trâm trâm,
Sạ đỉnh thanh thanh tứ bất câm.
Cách trúc cao đề xao bính chẩm,
Hoà sương đoạn tục tả thương âm.
Sâu xâm giác thú tam canh nguyệt,
Hoán khởi hương khuê vạn lý tâm.
Tiêu thiết hoành thu nam tử thảo,
Đình ninh mặc sử nhập nhân thâm.*

Tiếng dế đêm thu

*Đêm sâu thăm thẳm sao đầy trời,
Rền rĩ tiếng trùng dạ chẳng nguôi.
Cách trúc điệu buồn quanh gối rộng,
Hoà âm thảng bầy quyện sương rơi.
Trăng khuya vạn dặm sầu chinh phụ,
Thương nhớ ba canh át ốc còi.*

*Thu giục chí trai ngang ngọn giáo,
Đình ninh chẳng để tấm son loi.*

TRẦN VĂN NHĨ dịch

Thu dạ hữu cảm

Sơn hà liêu lạc tứ vô thanh,
Độc tọa thu đường khán nguyệt minh.
Hà xứ thu phong xuy nhất điệp,
Dẫn lai vô hạn cố viên tình.

Mối cảm đêm thu

Bốn mặt non sông vắng lặng tờ,
Phòng vắng tựa ghế ngắm gương nga.
Lá thu một chiếc bay trong gió,
Khêu gọi bao nhiêu nỗi nhớ nhà.

HOÀNG TẠO dịch

Thu nhiệt

Dĩ quá trùng dương khí thượng ôn,
Hàm bôi, tận nhật ý sài môn.
Lục hoàn thủy đáí nghi tương thúc,
Thanh nhiễm thiên y bất kiến ngân.
Phong thử thường như ngũ lục nguyệt,
Vũ lôi viễn nhập lương tam thôn.
Qui lai tọai ngã điền viên thú,
Thế sự tao đầu tiểu bất ngôn.

Mùa thu trời nóng

Qua tiết trùng dương vẫn thấy oi¹⁾,
Suốt ngày nắng chén tựa hiên ngời.
Biếc vẩy làn nước như đai quán,
Xanh nhuộm da trời một sắc tươi.
Nắng gió vẫn như ngày cuối hạ,
Sấm mưa đâu tận nẻo chân trời.
Về nơi vườn ruộng lòng ta thỏa,
Việc thế nghe qua chỉ mỉm cười.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Thu sơn tiêu vọng

Bát diện thôn khu nhất đỉnh cô,
Tài đăng vạn tượng nhập trung đồ.
Phong khinh vân lộng Thường Nga ảnh,
Vụ tế thiên cao Bắc Đẩu khu.
Phẩm vật nhất thiên kim thế giới,
Giang sơn tứ cố ngọc dư đồ.
Sương minh hà xứ thu thanh đáp,
Hoán khởi Âu Dương thảo tứ tô.

¹⁾ Trùng dương: cũng gọi là trùng cửu, tên một tiết, tức ngày mùng chín tháng chín âm lịch.

Đêm thu đứng trên núi trông

Mắt thu tám mặt xóm làng quanh,
Chót vót non cao đứng một mình
Gió nhẹ bóng trắng vờn khói bạc,
Mù quang chuôi đầu gác mây xanh.
Một trời cảnh vật vàng tô vẽ,
Bốn mặt giang sơn ngọc chuốt hình.
Hòa với tiếng thu, sương thánh thót,
Âu Dương¹⁾ phú ấy gọi bao tình.

HOÀNG TẠO dịch

Thủy tiên

Bất tri thử tử tòng hà lai,
Băng ngọc thiên nhiên nãi nhĩ tài.
Toạ thượng trí chi nhất thạch hải,
Minh triêu hốt kiến sổ hoa khai.
Tịnh quy đại cổ tương hề trạch,
Độc đối suy ông thù khả ai.
Phương xú phân minh thiên tải hậu,
Cách tường đào lý mặc tương sai!

¹⁾ Âu Dương Tu (1007 - 1072) có tên tự là Vinh Thúc hiệu "Tuý Ông" là nhà thơ đời Tống ở trung Quốc, có bài phú "Tiếng thu".

Thủy tiên

Biết rằng gốc tích tự đâu ra?
Cốt cách thiên nhiên, vẻ ngọc ngà.
Trước án đặt vào trong bể đá,
Sáng mai bỗng nở mấy chồi hoa.
Chuyên tay còn kén chi phường lái,
Ngán nỗi riêng vui với lão già.
Thơm thoí nghìn năm sau vẫn thấy,
Mặn, đào bên xóm chớ chua ngoa.

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Thư ký Nam đốc Dương niên ông^(*)

Bắc song độc tọa hiếu đôn vi,
Trù trưởng phong trần thập tải quy.
Phế hạp nê càn⁽¹⁾ vô điều tích,
Tài thư mặc tự khiếm ngư y⁽²⁾.

^(*) Chi Dương Khuê, bạn thân của nhà thơ lúc này là Đốc học Nam Định.

⁽¹⁾ Phế hạp, nê càn: nghĩa đen là "hộp bỏ, bùn khô", "hộp" ở đây chỉ cái nghiên, "bùn" ở đây chỉ mực ngày xưa, mài ra nếu đặc trông như bùn. Lâu không viết lách: dịch thoát từ mấy chữ "vô điều tích" (không có vết chân chim) trong nguyên văn. "Vết chân chim": chỉ chữ viết. Tương truyền ngày xưa Thương Hiệt đã phỏng theo vết chân chim mà đặt ra chữ viết.

⁽²⁾ Ngư y (áo cá): Thời xưa phong bì thư làm thành hình con cá chép rộng, do hai nửa ghép lại. Bởi vậy trong ngôn ngữ văn học cổ, thường dùng các từ "song lý ngư" (hai nửa cá chép) hoặc "ngư y" (áo cá, vỏ bọc hình cá) để chỉ phong bì thư.

Lão lai bức khách niên niên đáo,
Túy lý phùng nhân sự sự vi.
An đắc phiêu nhiên thừa hứng vãng,
Vị thành nam vọng chính y⁽¹⁾.

Thư gửi cho ông Dương,
bạn đồng khoa làm Đốc học Nam Định

Nắng mai nhân nhật tựa song tre,
Buồn nổi mười năm gió bụi về.
Nghiên mực khô rồi không viết lách,
Bức thư xong gửi thiếu phong bì.
Già nua phiền khách luôn thăm nhĩ!
Say tít gặp ai cũng chán ghê!
Thành Vị nhớ nhung trông dứt nẻo,
Mong sao thư thái có phen đi.

NGUYỄN XUÂN TẢO
NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Tiểu viên (kỳ 1)

Hà xứ huân phong nhập thảo đường,
Đông song thuy giác mộng hồn lương.
Lan từng điệp chiến hương quy tụ,
Trà yển quang dao ảnh thương lương.

⁽¹⁾ Vị thành (thành Vị): tức thành phố Nam Định: Thành phố này xây dựng bên bờ sông Vị cũ, nên còn gọi là Vị thành.

Nhiều thế thêm tranh kinh lạp nghĩ,
Cách chi tước tứ bộ thiên lang.
Tiểu viên diệp hữu vô cùng thú,
Bằng kỹ trầm ngâm độc tự lương.

Vườn nhỏ (bài 1)

Gió đầu lợt chôn thư phòng,
Bên song hây hây, giấc nồng vừa tan.
Ổng tay thoang thoang mùi lan,
Chén trà lóng lánh ánh lên mái hồi.
Cốc vò con kiến tha mồi,
Chim rình bọ ngựa đang ngồi bắt ve.
Mảnh vườn cũng lắm thú ghê,
Ghé bên ngồi nghĩ tỉ tê một mình.

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

Trị mệnh

Ngã nhiên cập bát bát⁽¹⁾,
Ngã số phùng cửu cửu⁽²⁾.
Ta tại ngã đức lương!
Thọ kỹ mại tiên khảo.

⁽¹⁾ Bát bát: Theo Từ hải, “bát bát” còn được phát âm là “ba ba” để gọi những người tuổi tác, theo cách gọi của các tộc người phía Nam Trung Quốc. Tác giả dùng chữ này với nghĩa ấy và cũng để đối chữ với “cửu cửu” ở câu dưới. Về chữ “bát bát” này trước đây có người đã hiểu lầm thành “tuổi tám mươi tám” và dịch cả câu thành “kém hai tuổi xuân đầy chín chục”, hoặc cho là sáu mươi tư (8 x 8 = 64).

⁽²⁾ Dương cửu: do chữ “Dương cùng ư cửu”. Theo dịch số thì 9 là số dương mà số dương đến số 9 là hết. Câu này ý nói: đã đến ngày tận số.

Ta tại ngã học thiển!
 Khôi nhiên chiếm long thử⁽¹⁾.
 Khởi phi tiên khảo linh,
 Lưu dĩ tích nhĩ phụ⁽²⁾.
 Khởi phi tiên khảo danh,
 Bất tố dĩ di hậu⁽³⁾.
 Bình nhật vô thốn công,
 Phủ ngưỡng dĩ tâm phụ.
 Tử hạnh đắc toàn qui,
 Táng hạnh đắc thân phụ.
 Túc hĩ diệc hà câu?
 Tử táng vật yêm cửu.
 Quan, khâm, bất khả mĩ,
 Chỉ dĩ liễm túc thủ.
 Cụ soạn bất khả phong,
 Chỉ dĩ đáp bốn tấu.
 Bất khả tả chúc văn,
 Bất khả vi đối cú.

Bất khả thiết minh tinh⁽⁴⁾,
 Bất khả đề thần chủ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Long thử (đầu rồng): ngày xưa sau kỳ thi Đình, ai đỗ Tiến sĩ được yết lên bảng màu vàng có vẽ rồng. Đứng đầu bảng rồng là đỗ Tiến sĩ số một, tức Đình nguyên.

⁽²⁾ Câu này có hàm ý nhắc lại việc cha tác giả đã tự nguyện xin chết thay cho con (xem Gia phả).

⁽³⁾ Câu này có ý nói thân sinh nhà thơ cũng là chân khoa cử, song chỉ đỗ đến tú tài.

⁽⁴⁾ Minh tinh: một mảnh lụa (hoặc giấy, vải) đề tên hiệu, tên thụy, tuổi, chức tước, địa vị người chết, dán vào một cái khung tre hoặc nứa rất cao. Có khi buộc vào một cây nêu, gọi là cây triện. Khi đưa đám, minh tinh được rước đi trước quan tài, mai táng xong thì đốt đi.

⁽²⁾ Đề thần chủ: thần chủ là một cái thẻ bằng gỗ có đề tên húy, tên hiệu,

Bất khả đạt môn sinh,
 Bất khả phó liêu hữu.
 Tân khách bất khả chiêu
 Phúng điếu bất khả thụ.
 Thử đồ lụy ư sinh,
 Tử giả diệc hề hữu?
 Duy dĩ trọng ngô quá,
 Tương lai cánh đa khẩu.
 Duy ư táng chi nhật,
 Kỳ biến đạo tiền cửu.
 Vu công bát cửu nhân,
 Xuy tống liệt tả hữu.
 Thảo thảo tử táng hoàn,
 Điện ngã dĩ bôi tửu.
 Sở đắc tân sắc bằng
 Phong hoàn nạp Sứ phủ⁽¹⁾
 Viên đề mộ thạch bi:
 “Hoàng Nguyễn mỗ hưu tấu”.

tên thụy và chức vị người chết rồi để vào cái khám trên bàn thờ. Việc đề chủ được coi là tôn trọng, nên phải mời người có chức tước, danh vọng làm.

⁽¹⁾ Sứ phủ: Ý chỉ chính phủ thực dân. Trước nay các bản in quốc ngữ đều thiếu hai câu này. Nay căn cứ vào các bản gốc chữ Hán, bổ sung cho đầy đủ.

Lời dặn lúc còn tỉnh^(*)

Tuổi ta kể cũng đã đến cõi,
Số ta nay vận cuối khôn qua.
Than ôi, đức mỏng như ta!
Mà sao ta lại hơn cha tuổi trời?
Sức học ta còn vơi, còn cạn,
Mà dè đâu chiếm bảng khô nguyên!
Phải chăng ý của cha hiền
Cho ta tuổi thọ mãi trên cõi đời?
Há chẳng phải ý Người không vội?
Đường công danh nhường lại đàn sau.
Công lênh chua chút bấy lâu
Đòi phen cúi ngựa, xiết bao then lòng
Đầy đủ bấy, còn mong gì nữa
Thác chôn ngay, lần lửa làm chi?
Về nay toàn vẹn mọi bề
Táng may lại được gần kề mẹ cha.

^(*) Dấu đề bài này, ở một số sách xuất bản gọi là *Di chúc văn*. Song các văn bản chữ Hán đều chép là *Trị mệnh*. Chữ này lấy ở điển: bố Ngụy Thù (đời nhà Tấn) có người thiếp yêu, thường đã dặn Ngụy Thù là khi ông chết sẽ cho người thiếp ấy về lấy chồng, đến khi hấp hối lại bắt con sẽ chôn người thiếp cùng với mình. Khi cha chết, Ngụy Thù cho người thiếp đó về, lấy cơ là theo lời dặn lúc cha còn tỉnh chứ không theo lời cha lúc đã hôn mê. Tác giả dùng chữ "Trị mệnh" để có ý nhấn mạnh lời dặn của mình là ở lúc sáng suốt, có suy nghĩ kỹ, cần phải làm theo. Trước đây vẫn phổ biến một bài dịch Nôm bài thơ này do một người khác dịch có nhiều chỗ dịch sai cả ý nguyên văn. Chúng tôi công bố bài dịch này cố gắng theo sát nguyên tác hơn, đồng thời bổ sung cả những câu đã bị cắt đi.

Khâm liệm chớ xa hoa vóc lụa,
Miễn chân tay chẳng hở thì thôi.
Cỗ bàn không được vẽ vôi,
Hễ ai đến giúp mới mời người ăn.
Cũng không được soạn văn, đọc chúc,
Câu đối thờ, bỏ tất, không làm,
Minh tinh bày đặt thêm nhâm,
Mượn người đề chủ lại càng không nên.
Môn sinh chớ bỏ tiền, đặt giấy,
Giấu bạn bè, hết thấy không mời,
Xa gần khách khứa cũng thôi,
Có ai phúng viếng, liệu lời khước đi.
Người chết có hưởng gì thứ đó,
Kẻ sống thêm mắc nợ vào người,
Mà ta thêm lỗi với đời,
Om sòm chi lắm, kẻ cười người chê.
Chỉ cần nhớ đến khi chôn cất,
Cờ biển xưa rước trước quan tài,
Thợ kèn thuê tám chín người,
Hai bên tả hữu thổi bài đưa vong.
Táng qua quýt cho xong mọi chuyện,
Tươi mồ ta một chén-rượu đầy,
Mấy tờ bằng sắc mới đây,
Niêm phong trả Sứ phủ ngay tức thì,
Mồ ta, bia đá nhớ đề:
"Ông già triều Nguyễn cáo về đã lâu".

NGÔ LINH NGỌC dịch

Trùng dương bát vũ

*Trùng dương bát vũ vị tu ta,
Sắt sắt tây phong nại nhĩ hà.
Hữu khách tống lai hoàng cúc tửu,
Vô nhân khai đắc đồ quyên hoa.
Bán sơn đảo ảnh tần di hạm,
Vạn lý minh hồng vị định gia.
Bệnh nhãn kiêm chi trần nhiễu thậm,
Bế môn bất xuất diệp hàm ca.*

Ngày trùng dương không mưa

*Tháng chín không mưa những xuyt xoa,
Gió tây hiu hắt biết sao mà!
Cúc vàng¹⁾ có khách đem cho rượu,
Quyên đở²⁾ không người giục nở hoa.
Bóng núi nửa chừng vươm tới cửa,
Chim hồng muôn dặm biết đâu nhà?
Mắt đau ngán nỗi thêm nhiều bụi,
Cửa đóng như bung vẫn rượu thơ.*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

¹⁾ Rượu hoàng cúc: đây nói rượu uống trong ngày trùng dương.

²⁾ Hoa đồ quyên.

Trừ tịch (kỳ 2)

*Trừ khước kim tiêu thị tân tuế,
Toại thành ngũ thập ngũ niên ông.
Bất tri đầu thượng kỷ hành bạch,
Chi hữu niên lai song nhãn hồng.
Nhân dục tâm xuân minh nhật kiến,
Bản duy thử tịch bách ưu không.
Trầm ngâm toạ đối hàn đăng chước,
Nhất cú liên niên hứng vị cùng.*

Đêm trừ tịch (bài 2)

*Hết đêm nay là hết năm,
Đã thành ông lão năm nhăm tuổi đầu.
Mấy chòm tóc đã bạc phau.
Lại thêm đôi mắt đỏ ngầu bấy nay.
Tìm xuân, mai sẽ thấy ngay,
Lo nghèo chỉ có đêm này tạm nguôi.
Trước đèn nâng chén rón ngời,
Một câu thơ vịnh kéo dài năm liền.*

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

Tuý hậu

*Ngũ thập hưu ông bán mẩu đường,
Bắc song cao ngoạ bán thanh lương.
Phi nê thủy chúc hà y mật,
U kính phong khiên thảo đối trường.*

*Tạp cú bất tu nhân cộng thưởng,
Gian tình duy hữu tửu tương đương.
Tàn xuân bệnh nhân vô phân biệt,
Nhật ảnh hy vi nhất dạng hoàng.*

Sau khi say

*Năm chục xuân thu, nửa mầu ao,
Trước song nằm khểnh thơi sao
Bùn sâu, mặt nước sen che kín,
Gió cuốn, ven đường cỏ lướt theo.
Câu vật chi cần người khác thưởng,
Cảnh nhân chi có rượu thêm hào.
Xuân tàn, mắt loá trông nào rõ,
Chỉ thấy lơ mơ ánh nắng chiều.*

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

Tuý ngâm

*Dục tri tuý ông lỗi lạc chi kỳ tài,
Đã tu nhất ẩm tam bách bôi.
Hữu thi thổ mặt tác vân vũ,
Diệc hoặc tranh nhân vi phong lối.
Lý Bạch bộ kinh sự phi đản,
Bành Trạch thái cục tâm bất quai.
Thế gian dục tuý tuý bất đắc,
Toán lai vạn sự câu trần ai.*

Thơ say

*Trở tài muốn học Ông say,
Thì ba trăm chén dốc ngay cạn bầu.
Dãi phụ mây nổi, mưa rào,
Có khi trùng mắt gió gào, sấm vang.
Bất kinh, Lý Bạch cũng thưởng,
Hái hoa Bành Trạch¹⁾, lòng chùng cũng ưa.
Thế gian say đã được chưa?
Không say, đời cũng bằng thừa kể chi!*

NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Tự thân^(*)

*Khả liên ngũ thập tứ niên ông,
Diện cấu, tu ban, nhõn hựu hồng.
Suy bệnh diệc vô hưu tức nhật,
Cần lao chỉ tại túy miên trung.
Thế đồ bất phục phân danh lợi,
Pháp giới tòng hà kiến sắc không?
Để ý sữ ma thù vị giải,
Sĩ nhân cô thả vấn thiên công.*

¹⁾ Tức Đào Tiềm, người thích hoa cúc.

^(*) Nguyên bản đề là *Tự nhiên* nghĩa không rõ, ngờ là chép sai, tạm đổi là *Tự thân* cho hợp với nội dung của bài thơ (theo *Thơ văn Nguyễn Khuyên*).

Tự than

Năm mươi tư tuổi gán cho ông!
Mặt sạm, râu thưa mắt đỏ hồng.
Ôm trọn tháng ngày không chút nghỉ,
Bận vì say, giấc biết bao xong?
Đường đời chưa rõ danh cùng lợi,
Cõi Phật đâu tường sắc với không?
Nào biết vì đâu nên nỗi ấy?
Ông xanh xin hãy mách cho cùng.

NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Tự thuật (kỳ I)

Lục dã quy lai tứ ngũ kỳ,
Bà bà bạch phát phục hà vi.
Nhất bản mao sấu kiêm thân sấu,
Đa bệnh hình si diệc ảnh si.
Tôn tử lữ không hoàng cúc tiếu,
Tài thư bất tự bạch âu nghi.
Vị tri lai thế thủy vi ngã,
Đáo thử phong lưu dã thị thủy.

Tự thuật (bài I)

Đã bốn, năm năm trở lại nhà,
Làm gì được nữa, tóc phơ phơ.
Cảnh nghèo mặt vô thân thêm vô,
Người bệnh hình trơ, bóng cũng trơ.

Vò cạn hoa vàng như muốn giễu,
Thư không âu trắng hẳn sinh ngờ¹.
Kiếp sau ai sẽ là ta nhỉ?
Ai sẽ phong lưu sánh kịp ta?

KHUƠNG HỮU DUNG-
NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Tự trào

Nam khuyết qui lai thập lục thu,
Phong trần hồi thủ lộ du du.
Tĩnh danh bức ngã đăng hoàng chí,
Tuế nguyệt thời nhân đảo bạch đầu.
Can tinh dĩ nan tâm Triệu địa,
Hôn hoa do ký tại Phòng châu.
Tàn sinh vạn lự tương hà ích?
Nhất mị thành nhiên tử tiện hưu.

¹ Thư không âu trắng hẳn sinh ngờ: thơ Lục Quy Mông đời Đường vịnh chim giao tinh (một loài chim nước) bị nhốt ở trong lồng, có câu "Phòng vị ty chước vô cùng sự; Hào vị tài thư tạ bạch âu" Nghĩa là "Việc dè phòng mảnh khỏe, và tránh dây cung là việc phải lo lắng không cung; Vậy hãy viết giúp ta thư từ tạ chim bạch âu". Tác gia dùng điển này ý muốn nói: mình ở trong vòng bó buộc, không viết thư cho chim bạch âu (ám chỉ những người tự do) được, sợ rằng chim bạch âu sinh nghi chăng?

Tự giễu mình

Mười sáu năm trường biệt cửa cung¹⁾,
Đường đời gió bụi vẫn vơ trông.
Công danh ép uống tên đề bảng²⁾,
Ngày tháng hao mòn tóc tựa bông.
Sạch sẽ tìm đâu ra đất Triệu³⁾,
Lờ mờ còn chép "ở châu Phòng"⁴⁾.
Sống thừa lo lắng chi vô ích,
Một giấc ngon lành, chết hóa xong!

NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Tức sự

Độc tọa Bắc song thượng,
Nhật vũ hà thê thê!
Hàn đa tân cốc vấn,
Vân trọng viễn sơn đề.

¹⁾ *Cửa cung* (nguyên văn: Nam khuyệt): cửa cung vua ở phía Nam.

²⁾ *Đề bảng* (nguyên văn: *Hoàng chí* - giấy vàng): theo thể lệ phong kiến, ai thi đỗ đại khoa được đề tên lên giấy vàng, dán lên bảng.

³⁾ *Đất Triệu*: Tống sử chép: Đời Tống Cung Tông, quân Nguyên đánh Tống, Uông Lập Tín được bổ làm chức Giang Hoài chiêu thảo sứ. Đi đường, gặp Già Tự Đạo, Đạo hỏi Tín đi đâu? Tín đáp: "Giang Nam không còn một tác đất nào sạch sẽ. Tôi đi tìm một chỗ chết trên một mảnh đất của họ Triệu". Triệu là họ của vua Tống.

⁴⁾ *Châu Phòng*: *Đường sử*: Vua Trung Tông nhà Đường bị mẹ là Vũ hậu chiếm mất ngôi và đem an trí ở châu Phòng. Nhưng sử thần cũng cứ chép là "Vua ở châu Phòng" để tỏ ý vẫn thừa nhận Trung Tông là vua, chứ không thừa nhận Vũ hậu. Câu này có lẽ tác giả ám chỉ việc thực dân Pháp bỏ vua Thành Thái nhà Nguyễn và đem đày ra đảo Rê-uy-ni-ông.

Tấm nhuận tường sinh nhĩ,
Oanh vu tửu đảo tề.
Bất tri xuân sắc đậm,
Nhất điệu lược sơn tê (tây).

Tức sự

Một mình dựa song Bắc,
Mưa dầm lạnh lẽo thay!
Lúa ghen trong giá rét,
Núi thấp dưới mây dày.
Tường ướt mọc tai nấm,
Rượu ào tràn rốn say.
Nào biết màu xuân lạt,
Chim lẻ vượt non tây.

NGÔ LINH NGỌC dịch

Văn Vụ Bản xã Trần đài (huý Xuân) mẫu táng

Xuân dạ phong sương bắc thụ tiên,
Nhất bản dao vị thử quân liên.
Mộ niên cam chí tâm di đốc,
Hung tuế chiêm lư lễ diệc kiên.
Cổ đạo tủng phi thời tục thượng,
Cự kinh do tự ngã sự truyền.
Sinh số để ý kiêm tương miễn,
Chỉ khùng đi tu cập cừu tuyền.

Viếng mẹ bác Trần (tên là Xuân) ở xã Vụ Bản

*Cây Bắc đêm xuân gặp gió sương¹,
Đã ngheo nghe cảnh ấy mà thương.
Ngọt ngon, con trẻ dăng lòng kính,
Kém đời, nhà tranh trọng lễ thường².
Kính cũ, thầy ta truyền nối mãi,³
Đạo xưa, người thế có ai mang.
Muốn đưa chút lễ chia buồn đến⁴,
Sợ hổ lây người dưới tuổi vàng.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Vịnh cúc (kỳ 1)

*Xuân tiền đảo lý mạn phân phân,
Cấu điệp thương hành liễu bất văn.
Khổ tiết nhược vi an tố phận,
Cùng thu nhiên hậu kiến thanh phân.*

¹ *Cây Bắc*: từ chữ “Bắc đường” (nhà phía Bắc), nơi người mẹ ở. Đây chỉ về mẹ. Cả câu này ý nói người mẹ chết.

² *Nhà tranh* (nhà cỏ): chỉ nhà tang, tang lễ. Theo sách *Nghi lễ*, người con khi để tang thì phải ở nhà xiêu, ngủ nệm cỏ. “Nhà tranh”: tạm dịch từ hai chữ “chiêm lư” trong nguyên văn.

³ *Thầy ta*: chỉ cụ Trần Duy Vỹ, ở xã Vụ Bản, là thầy học nhà thơ. Do đó, có thể đoán, bác Trần là con cháu cụ Trần Duy Vỹ.

⁴ *Chút lễ* nguyên văn “sinh sớ” (nắm cỏ). Sách *Hậu Hán thư* chép: Quách Lâm Tông có tang mẹ. Từ Tri mang một nắm cỏ đặt ở trước cửa rồi đi. Sau, người ta dùng chữ “nắm cỏ” để chỉ lễ viếng.

*Ám liên lão phố ung như thị,
Độc lập tây phong thực dữ quân.
Cao khiết trình tâm phi dị đắc,
Đào tiềm quy khứ thủy tri quân.*

Vịnh hoa cúc (bài 1)

*Xuân qua tới tấp mạn cùng đào,
Lá mọc cành rêu lẫn chốn nào?
Giữ tiết dường như yên phận khó,
Dành hương cốt để đợi thu cao.
Thương thầm vườn cỏ nên như vậy,
Đứng giữa hơi may mới biết nhau!
Trong sạch tấm lòng đâu dễ kiếm,
Đào Tiềm chỉ gặp lúc về hưu!*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Vịnh cúc (kỳ 2)

*Bách hoa khai thì nhĩ vị khai,
Bách hoa lạc tận nhĩ phương lai.
Độc đương hàn tuệ thủy vi ngẫu,
Bất lạc phương tâm chân khả ai.
Ly bạng sâm si bán lục trúc,
Song tiền niệu na tân hồng mai.
Hàm bôi toạ khán nhất vi tiểu,
Bất phụ hưu ông tích nhật tài.*

Vịnh hoa cúc (bài 2)

Trăm hoa đua nở vắng người hoài,
Trăm hoa tàn rồi mới thấy người.
Tháng rét một mình thua bóng bạn,
Nhị thom chẳng rửa, chạnh lòng ai,
Nhấp nhô lưng giậu xanh chồi trúc,
Ông ả đầu hiên mướt ngọn mai
Cát chén mỉm cười vừa ý lão,
Bồ công vun xới đã lâu ngày.

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Vịnh Đổng Thiên vương

Tam tải tiềm long thế vị tri,
Nhất triêu phấn khởi đại thi vi.
Kim tiên phá lỗ thiên thanh chấn,
Thiết mã đằng không cổ tích kỳ.
Việt điện càn khôn lưu vĩ tích,
Ân giao thảo mộc thức dư uy.
Chí kim từ hạ tàng phong động
Do tướng đương niên đắc thắng qui.

Vịnh Đổng Thiên vương^(*)

Rồng náu ba năm đòi biết chi,⁽¹⁾
Vươn vai vụt lớn dáng uy nghi.
Roi vàng phá giặc, oai vang động,
Ngựa sắt về trời dấu lạ kỳ.
Đất Việt non sông lưu thắng tích,
Côi Ân cây cỏ khiếp dư uy.
Nay nghe bên miếu thông reo gió,
Còn ngỡ người xưa thắng trận về.

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Vịnh Lý Thiên vương

Thiên túng nam giao trác bất quân;
Khôi nhiên nhất trượng thập vi⁽²⁾ thân.
Uy thôn ủy giới kinh vô lãng,
Dũng hách hồ nhi tái tuyết phân.
Hiệu tiểu Tản phong vô túc quý,
Bất tu đồng trú tự nhiên thân.
Thùy lưu tung tích giang đầu miếu,
Thiên cổ do kinh hữu Việt nhân.

Đổng Thiên vương: tức Phù Đổng Thiên vương, tên gọi theo sắc phong về sau của cậu bé làng Gióng, người đã có công phá giặc Ân sang xâm lược nước ta thời Hùng Vương thứ 6.

⁽¹⁾ Rồng náu: chữ Kinh Dịch, nói về bậc thánh nhân còn ẩn dật chưa ra giúp đời. Ý cả câu: đến năm 3 tuổi, cậu bé làng Gióng vẫn chưa biết nói cười.

⁽²⁾ Vĩ là đơn vị đo lường thời cổ. Có hai thuyết: một thuyết cho rằng một vĩ bằng năm tấc, một thuyết cho rằng một vĩ bằng một ôm. Cả câu nói theo truyền thuyết, có phần quá đi.

Vịnh Lý Thiên vương^(*)

*Cõi Nam trời phú, dáng oai hùng?
Kỳ vi cao to ai sánh cùng?
Khiếp vía Hung Nô, bờ cõi lặng,
Lung oai sóng nước, sóng kinh trong.
Sá chi chức nhỏ do người tặng,
Đã gọi thần thiêng lọ tượng đồng.
Truyền kiếp vẫn kinh người nước Việt,
Còn lưu dấu vết miếu đầu sông*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Vịnh mai

*Thử tử bất tri hà xứ lai,
Tiểu viên cách tuế ngẫu nhiên tài
Diệp do vị phát hoa tranh phát,
Hoa ký bất khai diệp thủy khai.
Oái úy dĩ phi quần thảo ngữ,
Thanh phân ưng thị bách hoa khôi.
Tuý ông thân tịch số tương uỷ,
Thế mạc tử tri chân khả ai.*

Lý Thiên Vương: tức Lý Ông Trọng, người huyện Từ Liêm (Hà Nội), là người to lớn, có sức khỏe phi thường. Lúc ấy nước ta chưa bị Trung Quốc đô hộ, ông sang giúp nhà Tần. Tần Thủy Hoàng phong làm Tư lệ Hiệu úy, đem quân đi giữ Lâm Thao, trấn giữ phía Bắc Trung Quốc, uy danh lung lay đối với quân Hung Nô thường sang xâm phạm Trung Quốc lúc ấy. Khi già, ông về làng ở. Thủy Hoàng cho đúc tượng ông bằng đồng đặt tại cửa Tư Mã ở kinh đô Hàm Dương làm Hung Nô sợ không dám xâm phạm.

Vịnh cây mai

*Chẳng hay gốc tích nơi nào?
Ngẫu nhiên năm trước, trông vào vườn ta.
Lá chưa mọc, đã đầy hoa,
Hoa tàn lá mới ruộm rà đua tươi.
Xanh tươi hơn mọi cây rồi,
Mà hương thanh lại khác vời trăm hoa.
Ông say hôm sớm mặn mà,
Người đời hò hững, thực là đáng thương.*

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

Vịnh Nguyễn Hành khiên^(*)

*Phong vân tế hội hiệu tri khu,
Bất nhẫn thương sinh khát vọng tồ.
Dục thí cường Hồ tân thủ đoạn,
Tận thu Đại Việt cự dư đồ.
Kinh thiên sự nghiệp quang thiên cổ,
Chấn thế thanh danh mãn cử châu⁽¹⁾.
Tảo thức công danh nan thiện xử,
Hoàng sơn ưng bạn Xích Tùng⁽²⁾ du.*

Nguyễn Hành khiên: tức Nguyễn Trãi, từng giữ chức Hành khiên.

¹ Đây chỉ Trung Quốc (thời cổ đại gồm có 9 châu).

² Tức Xích Tùng tử, một nhân vật trong *Thần tiên truyện*. Thiên *Lưu Hán thế gia* chép rằng: sau khi Trương Lương giúp Hán Cao Tổ phá được Tần, diệt được Sở, lập nên nhà Hán, ông bèn theo Xích Tùng tử học phép "đạo dẫn" để tu tiên, nhưng mục đích chính là để tránh họa tàn sát công thần thường xảy ra trong lịch sử, nhất là lịch sử Trung Quốc.

Vịnh quan hành khiển họ Nguyễn

*Gặp hội phong vân gắng ruổi rong,
Dân lành khắc khoải những chờ mong.
Rắp đem mưu lược lui quân Bắc,
Thu lại giang sơn rạng giống Hồng.
Dây đất, thanh danh lừng cõi giặc,
Chống trời, sự nghiệp nức non sông.
Công danh ví biết khôn toàn vẹn,
Thà sớm đi theo bước Xích Tùng.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Vịnh Tô Hiến Thành⁽¹⁾

*Tru thách nguyên thần thiết thách can
Đám đương phụ hạ bất từ nan.
Tiên hoàng dĩ phó cô tam xích,
Triết hậu đồ thi xảo bách đoan.
Thiên cổ huân danh thại đỉnh tại,
Bách niên tôn miếu Thái Bàn an,*

⁽¹⁾ Tô Hiến Thành: Thái sư phụ chính triều Lý Anh Tông. Khi Anh Tông mất, Tô Hiến Thành nhận di chiếu lập Lý Cao Tông làm vua. Thái hậu muốn lập Thái tử cũ là Long Xương, tìm mọi cách dụ dỗ, hối lộ, nhưng ông nhất định không nghe

*Tứ đồ không triệu bỏ hoàng hấn⁽¹⁾,
Thùy hội trung tâm nhất thốn đan.*

Vịnh Tô Hiến Thành

*Bày tôi trụ cột, bậc can trường,
Phụ chính gian nan, vai đảm đương.
Xoay trở trăm vành, mưu Thái hậu,
Thác cô, một dạ mệnh Tiên hoàng.
Công lao ngàn thuở còn vàng vạc,
Tông xã trăm năm vẫn vừng vàng.
Tranh tặng, cuối cùng cơ nghiệp mất,
Rày ai vẽ được tám sơn chăng?*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Vịnh Trung nữ vương

*Xích tâm ưu quốc mỗi như đàm,
Vị khởi hồng nhan tác mĩ đàm.
Cân quốc thiên niên tu Ngụy tướng⁽²⁾,*

⁽¹⁾ *Tứ đồ* (bốn bức tranh): thời Trần, vua Nghệ Tông sai vẽ tranh bốn người trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam đã có công phò tá vua nhỏ để tăng Hồ Quý Ly với ngụ ý mong muốn Quý Ly cùng như thế. Bốn người đó là: Chu công giúp Thành vương, Hoắc Quang giúp Chiêu đế, Khổng Minh giúp Hậu chủ và Tô Hiến Thành giúp Cao tông.

Màu bỏ hoàng: Hồ Quý Ly lộng quyền. Khi làm chức Thái sư, thường mặc áo màu bỏ hoàng, tức màu vàng nhạt. Màu chính hoàng là màu áo chỉ có vua mặc. Cả câu ý nói việc Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần.

⁽²⁾ *Ngụy tướng* (tướng tá Ngụy): phiếm chỉ bọn tướng tá xâm lược Trung Quốc thời xưa.

*Can qua bách chiến tiểu Đường nam⁽¹⁾.
Giang sơn cánh vị yêu kiều tráng,
Thương hải do linh quốc thược tâm⁽²⁾.
Đồng trụ bất thành nhi nữ điểm,
Anh hùng lẫm liệt mãn thiên nam.*

Vịnh Trung nữ vương

*Lòng son vì nước hận sôi bùng,
Má phấn ra tay chuyện lạ thường!
Khăn yếm ngàn năm hèn tướng Ngụy,
Binh đao trăm trận nhỏ trai Đường.
Dáng kiều, non nước tươi thêm vẻ
Biển biếc, thân già thẹn luống mang.
Đâu dễ cột đồng như gái giỏi,
Trời Nam lẫm liệt mãi ngời gương!*

NGÔ LINH NGỌC dịch

¹ *Đường nam* (dân ông Đường): phiếm chỉ bọn quân xâm lược Trung Quốc thời xưa.

² *Quốc thược tâm* (Gã quốc thược): chỉ Mã Viện, tên tướng Đông Hán được coi là quốc thược thiện chiến đã chỉ huy quân Hán sang đánh nước ta thời Hai Bà Trưng.

Vịnh Trương Hán Siêu^(*)

*Túc uẩn kinh luân học thuật đã,
Phùng thời táo dĩ trạc nguy khoa.
Từ lâm thóa ngọc Khuê Lâu hoán,
Tướng phủ điều mai đỉnh nãi hò⁽¹⁾.
Vọng trọng Nam sơn tiêu xích xí,
Danh cao Bắc khuyết vịnh hoàng hoa⁽²⁾.
Văn niên tối ái Đào Chu thuật⁽³⁾,
Bích thủy thanh sơn dật hứng sa.*

Vịnh Trương Hán Siêu

*Kinh luân học thuật đã gồm hai,
Gặp bước khoa danh sớm vượt người.
Trị nước yên dân, nhiều việc giỏi,
Phun châu nhà ngọc, nức văn hay.
Trời Nam nổi tiếng người vọng trọng,*

Trương Hán Siêu: người làng Phúc Am, huyện Yên Ninh, nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Ông nguyên là môn khách Trần Hưng Đạo, làm quan Học sĩ Viện Hàn lâm, thăng đến Hành khiển. Ông là tác giả bài *Phụ Bạch Đằng* nổi tiếng.

¹ *Điều mai*: lấy chữ trong *Kinh Thư* “Nhược điều canh, nhi tác diêm mai” nghĩa là “nếu như nấu canh, nhà người làm muối làm mớ”, lời vua Cao tông nhà Ân nói với Phó Duyệt, tướng hiền nhà Ân. Và chữ “Đỉnh nãi” nghĩa đen chỉ vạc to, vạc nhỏ là những đồ cúng tế ở nhà tôn miếu của nhà vua. Người ta thường ví quan tể tướng với hai chữ “đỉnh nãi”. Chúng tôi dịch thoát nghĩa câu này.

² *Thơ “Hoàng hoa”*: *Kinh Thi, Tiểu nhã* có bài “Hoàng hoàng giả hoa” nói về việc đi sứ. Về sau người ta dùng để chỉ việc đi sứ.

³ *Đào Chu công*: tước Phạm Lãi tướng quốc nước Việt thời Đông Chu.

*Côi Bắc lừng danh bậc sứ tài.
Về già say thú vui nhân dật,
Nước biếc non xanh mặc thánh thời.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Vọng Khoái Châu hữu cảm

*Tĩnh áp giang khê bất cải di,
Phong quang tích thị giác kim phi.
Kính hoang tường đảo hoa dung xú,
Đã khoáng yên hy thảo sắc phi.
Đoạn tục cùng thanh triển cổ tự,
Ni nam yển tử lộng tà huy.
Ký thanh bỏ trách ai minh nhận,
An tập quy lai hựu kỹ thi?*

Thấy Khoái Châu mà cảm xúc

*Xóm quê bên cũ vẫn đây mà,
Quang cảnh sao giờ khác hẳn xưa.
Tường sập, ngô hoang, hoa rã rượi,
Đồng không, cỏ ngập, khói lửa thừa.
Đế kêu rên rĩ quanh chùa cổ,
Én liệng chơi vui giỡn bóng tà.
Tiếng nhận bên đầm nghe não nuột,
Ngày về yên ấm biết bao giờ?*

MAI ANH TUẤN dịch

Vũ hậu xuân tuý cảm thành

*Khứ thu Định Doãn phát y hốt⁽¹⁾,
Kim nhật Xuân Thương giả tổ lai⁽²⁾.
Khả hạnh chư quân năng dũng thoái,
Vị ung nhất chức tấn phi tài.
Bách niên hiên tứ hà vi giả,
Ngô áp khâu lãng diệc mỹ tai!
Lão bệnh vô năng duy hữu túy,
Phù vân tán tận bắc song khai.*

Cảm hoài trong bữa chén xuân, sau cơn mưa

*Thu qua bác Huyện bỏ về rồi,
Nay đến ông Thương cũng tháo lui.
Mừng thấy các ông lùi bước mạnh,
Phải đâu một chức kém ai tài?
Ngựa xe mai một còn chi mãi?
Gò núi quê ta ngắm vẫn tươi.
Già mọi sự hèn, riêng có chén,
Vấn mây tan sạch, mở song chơi.*

ĐẶNG ĐỨC TÔ dịch

¹ Huyện Trục Định: tên một huyện cũ tỉnh Nam Định lúc ấy. Nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

² Xuân Thương: tên một phủ ở Nam Định lúc ấy.
Thương: Thương biện, một chức quan hàng tỉnh lúc ấy.

Xuân bệnh

I

Nhiều nhiều phong trần nhất hủ nho,
Nhân lai ngô tự kiến chân ngô.
Phù danh hữu hạnh do tiên cái,
Thực lực phi tài thượng nhượng nô.
Bán chẩm quan không thiên địa khoát,
Nhất song cao ngọa tính tình cô.
Sầu miên lãn dục thôi khâm khởi,
Sương áp thần quang đạm nhược vô.

II

Tân thiêu đán đán mãn thiên sương,
Thán tức nhân cùng tuế hựu hoang!
Dược vị thực thời tiên hữu khí!
Hoa tương lạc xứ thả lưu hương.
Sầu đa dạ lãn thính nhi độc,
Tửu quý xuân nan hoán khách thường,
Chỉ hữu tạc tiêu phùng tiểu vũ,
Bệnh trung sải đắc nhất phân cường.

Mùa xuân, bị ốm

I

Nhiều nhường gió bụi bác nho gàn,
Về nghỉ, rầy thêm rõ cái thân:
Danh hào, nay hơn anh bị gậy,
Tài xoàng, e kém chú che tàn.

Hé nhìn nửa gối trời cao rộng,
Nằm khểnh bên song tính chiếc đơn,
Giác ngủ buồn ôm chần ngại dậy,
Thoáng không, sương sớm khắp trời lan.

II

Đầu xuân mà sáng dẫm trời sương,
Dàn xác xơ rồi, mùa trắng băng;
Thuốc sắc như đầu mà lụng ngát,
Hoa hầu tàn đấy vẫn vương hương.
Đa buồn, đêm ngại nghe con học,
Rượu đất, xuân khôn đón khách sang.
May được đèm qua mưa nhỏ nhỏ
Chuyến này bệnh đỡ chút nào chăng?

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Xuân dạ liên nga

Tiền nhĩ tiêm tiêm nhất vũ hàn,
Đầu minh nhi tử tử nhi an.
Nhược vi thăng thốt lâm nghi dị,
Đáo đắc thuần tuần biện diệc nan.
Tố phú tri năng do vị dẫn.
Đương tiên danh lợi bất tương quan.
Cô đặng sát nhĩ do liên nhĩ.
Đáo đắc thành hôi lệ vị can.

Đêm xuân thương con thiêu thân

*Giống lông cánh phận mình nhỏ,
Chết là yên, chết chỗ quang minh;
Phải chăng thẳng thốt đã đành,
Mà trong dùng dằng xem tình dễ dẫu.
Chữ tri năng trước sau giữ vẹn,
Thời buổi này chẳng bèn lợi danh;
Đèn chong chùng cũng thương mình,
Thân tàn ra bụi lệ tình chua khô.*

HOÀNG TẠO dịch

Xuân nguyên hữu cảm - I

*Tân tuế phương lai cựu tuế chu,
Quần phương giai uyển ngã hà khô?
Tự liên văn tiết cân hài quyện,
Bất giác nhân gian nhật nguyệt tù.
Vô lịch ná tri thu Giáp tý,⁽¹⁾
Hữu cừ vị cảm độc Xuân thu⁽²⁾.
Thử âm dĩ hĩ vô tha lự,
Huê trượng liêu vi hãn mạn du.*

⁽¹⁾ Giáp Tý: hai chữ dùng đầu can và chi dùng để ghi năm, tháng, ngày theo âm lịch. Đào Tiềm, đời Tấn, khi Tấn mất, Tống lên thay, Đào Tiềm không dùng niên hiệu nhà Tống, chỉ tính Giáp Tý mà ghi năm, tháng thôi. Tác giả mượn tích đó mà chỉ vào thân thế của mình: Nước mất, vua không còn ban lịch nữa, không biết đầu mà ghi Giáp Tý được.

⁽²⁾ Không Từ làm *Kinh Xuân thu*, nêu cao đại nghĩa tôn nhà Chu, biếm những kẻ thù nghịch với nhà Chu. Tác giả sống trong thời kỳ nước ta bị Pháp xâm chiếm. Pháp là kẻ thù của ta, tác giả đã không làm được như Không Từ, tự cho là đáng thẹn, nên nói: không dám đọc *Kinh Xuân thu*.

Cảm nghĩ đầu xuân - I

*Năm mới đến, năm cũ qua,
Mọi người vui vẻ, sao ta riêng buồn.
Thương mình gân cốt hao mòn,
Nào hay ngày tháng cứ vùn vụt đi.
Lịch đâu Giáp Tý mà ghi,
Kẻ thù còn đó, đọc gì Xuân thu?
Lòng đã dứt mọi mối lo,
Âu là chông gậy ngao du cho rồi.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Xuân nhật

I
*Sương khí mông lung mãn địa phi,
Thần quang phiêu hốt hận hy vi.
Viên kim quát hạch do tàng giáp,
Bồn thủy tiên hoa vị giải y.
Hiếu trích u hoàng như tự khắp,
Dạ minh độc hạch tự an quy.
Uý hàn lân dục thôi y khởi,
Môn ngoại thường khai khách diệc hy.*